

Phụ lục 1

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN TỈNH LAI CHÂU
ĐẾN NĂM 2030, NĂM 2035 VÀ NĂM 2045

(Kèm theo Kế hoạch số 117-KH/TU ngày 19/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045
I	Nhóm chỉ tiêu về thể chế, quản trị địa phương và hoàn thiện hệ thống chính trị			
1	Xếp hạng Chính quyền số trong Cải cách hành chính	30-28/34	27-25/34	24-22/34
2	Xếp hạng môi trường đầu tư của tỉnh	Chỉ số PCI của tỉnh xếp hạng thứ 24-26/38 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Chỉ số PCI của tỉnh xếp hạng thứ 22-24/38 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Chỉ số PCI của tỉnh xếp hạng thứ 18-20/38 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
3	Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	Đạt từ 88% trở lên	Đạt từ 90% trở lên	Đạt tối thiểu 95%
4	Tỉ lệ sử dụng nền tảng số phục vụ điều hành theo mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	100% các cơ quan, đơn vị đạt cấp độ 4 và 90% đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Khoảng 95% các cơ quan, đơn vị đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	100% các cơ quan, đơn vị đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu
II	Nhóm chỉ tiêu về kinh tế			
5	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm (%)	Khoảng 10%	10,5	8
6	GRDP bình quân đầu người	125 triệu đồng/người	244 triệu đồng/người	357 triệu đồng/người
7	Tỉ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GRDP (%)	37,6	38	39
8	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	Khoảng 8-9%/năm	8,8	8,3
9	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số GRDP (đến cuối kỳ) (%)	9-10	10-12	12-15
10	Tốc độ tăng trưởng thị trường trung tâm dữ liệu bình quân/năm (%)	12-15	10-12	8-10

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045
11	Xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	≤ 34	≤ 33	≤ 32
12	Tốc độ tăng số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế trung bình/năm (%)	16-18	10-12	10
13	Doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh mở rộng thị trường, từng bước tiếp cận thị trường quốc tế	Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường ngoài tỉnh	Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp từng bước tiếp cận thị trường quốc tế	Thúc đẩy doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào thị trường trong nước và quốc tế
14	Kinh phí chi cho nghiên cứu và phát triển so với GDP (%)	2	2,5	3
15	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (đến cuối kỳ) (%)	≥ 40	≥ 42	≥ 45
16	Tỉ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa (đến cuối kỳ) (%)	Phấn đấu hình thành sản phẩm công nghệ cao	Có giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao.	Tỷ trọng tăng qua các năm
17	Cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI (%)	30	60	90
18	Phát triển đô thị	Phấn đấu có từ 02–03 đô thị trên địa bàn tỉnh được hoàn thiện các tiêu chí phân loại đô thị còn thiếu, còn yếu theo quy định.	Phấn đấu có từ 3-5 đô thị trên địa bàn tỉnh được hoàn thiện các tiêu chí phân loại đô thị còn thiếu, còn yếu theo quy định.	Phấn đấu có từ 5-8 đô thị trên địa bàn tỉnh được hoàn thiện các tiêu chí phân loại đô thị còn thiếu, còn yếu theo quy định.
III	Nhóm chỉ tiêu về xã hội			
19	Phát triển dân số (đến cuối kỳ)	Quy mô dân số đạt khoảng 532.763 người	Quy mô dân số đạt khoảng 564.995 người	Quy mô dân số đạt khoảng 664.424 người
20	Số người hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ (đến cuối kỳ)	10 người trên 1 vạn dân	12 người trên 1 vạn dân	12 người trên 1 vạn dân
21	Tỷ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ (STEM)	Khoảng 40,5% tổng số sinh viên	Khoảng 41,7% tổng số sinh viên	Khoảng 41,7% tổng số sinh viên

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045
22	Phát triển nhân lực số	Có ít nhất 10 chuyên gia an ninh mạng chuyên sâu, trong đó có ít nhất 02 chuyên gia an ninh mạng chuyên sâu đạt trình độ quốc tế	Có ít nhất 15 chuyên gia an ninh mạng chuyên sâu; duy trì và nâng cao số chuyên gia đạt trình độ khu vực, quốc tế; 100% lực lượng chuyên trách và cán bộ trực tiếp quản trị, vận hành hệ thống thông tin cấp độ 3, 4, 5 được đào tạo, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về an ninh mạng	Có ít nhất 20 chuyên gia an ninh mạng chuyên sâu; hình thành đội ngũ chuyên gia có trình độ cao, có khả năng độc lập xử lý, ứng phó các nguy cơ, sự cố an ninh mạng phức tạp; từng bước hình thành lực lượng chuyên gia nòng cốt có khả năng tham gia phối hợp ứng phó sự cố ở cấp khu vực và quốc gia
23	Tỉ lệ tham gia hệ thống an sinh xã hội (đến cuối kỳ)	Khoảng 25% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	Khoảng 28% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	Khoảng 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội
		Khoảng 10,6% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Khoảng 11% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Khoảng 13% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp
		Hướng tới bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, đạt 100% dân số tham gia bảo hiểm y tế	Duy trì bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, đạt 100% dân số tham gia bảo hiểm y tế	Duy trì bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, đạt 100% dân số tham gia bảo hiểm y tế
		Khoảng 7.600 người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng	Khoảng 8.200 người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng	Khoảng 9.400 người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng
24	Chỉ số tuổi thọ trung bình, trong đó số năm sống khỏe (cuối kỳ)	Tuổi thọ trung bình 70 tuổi; số năm sống khỏe tối thiểu 65 năm	Tuổi thọ trung bình 73 tuổi; số năm sống khỏe tối thiểu 66 năm	Tuổi thọ trung bình trên 75 tuổi; số năm sống khỏe tối thiểu trên 68 năm

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045
25	Chỉ tiêu về bình đẳng giới (đến cuối kỳ)	- 70% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ; - 40% tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương; <60% tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm; ≤ 30% tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã; - Giảm số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ còn 1,4 lần; - 90% người bị bạo lực trên cơ sở giới được tiếp cận dịch vụ hỗ trợ; 100% nạn nhân mua bán người trở về có nhu cầu được hỗ trợ; - Tỷ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái; - Nữ tuyển mới trong giáo dục nghề nghiệp đạt 40%; nữ thạc sĩ đạt ít nhất 39,5%, nữ tiến sĩ 25,5%; đưa nội dung giới, bình đẳng giới vào chương trình giáo dục.	Duy trì kết quả đạt được; thực hiện đạt hoặc vượt các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới của tỉnh giai đoạn 2031–2035.	Duy trì và nâng cao kết quả; thực hiện đạt hoặc vượt các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới của tỉnh giai đoạn 2036–2045.
IV	Nhóm chỉ tiêu về văn hóa, con người			
26	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,626	0,655	0,718
27	Xếp hạng chỉ số hạnh phúc	Phấn đấu xây dựng và đưa vào đánh giá Chỉ số hạnh phúc của tỉnh; thực hiện đo lường, đánh giá hằng năm.	Phấn đấu Chỉ số hạnh phúc của tỉnh được cải thiện qua từng năm.	Phấn đấu duy trì đà cải thiện, nâng cao Chỉ số hạnh phúc của tỉnh, tiệm cận mức bình quân chung của cả nước.
28	Đóng góp của giá trị tăng thêm ngành công nghiệp văn hóa trong GRDP (đến cuối kỳ) (%)	5	6	7

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045
29	Phát triển thương hiệu quốc gia các ngành công nghiệp văn hóa (đến cuối kỳ)	Duy trì 03 thương hiệu lễ hội văn hoá cấp tỉnh , xây dựng 03 lễ hội văn hoá cấp tỉnh	Xây dựng 01 thương hiệu lễ hội văn hoá cấp quốc gia , duy trì 05 lễ hội cấp tỉnh	Duy trì 01 thương hiệu cấp quốc gia, duy trì 05 lễ hội cấp tỉnh
V	Nhóm chỉ tiêu về môi trường sinh thái			
30	Tỉ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính (%)	9	11	Phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050
31	Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng cung cấp năng lượng sơ cấp (đến cuối kỳ) (%)	100	100	100
32	Tỷ lệ khu công nghiệp sinh thái được công nhận trong tổng số khu công nghiệp đang hoạt động (đến cuối kỳ) (%)	-	-	>20
33	Mức độ vận hành thương mại thị trường các-bon	Từng bước tham gia thị trường các-bon theo lộ trình của Trung ương	Mở rộng tham gia, thúc đẩy giao dịch tín chỉ các-bon	Tham gia chủ động, hiệu quả thị trường các-bon trong nước và quốc tế
34	Phòng, chống và thích ứng với biến đổi khí hậu (đến cuối kỳ)	≥ 70% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn Hoàn thành di dời 80% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn	>80% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn Hoàn thành di dời 85 - 90% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn	100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn Hoàn thành di dời 95 - 100% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn
VI	Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh			
35	Quốc phòng, an ninh; chủ quyền, an ninh biên giới; trật tự, an toàn xã hội	Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.	Củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân; nâng cao năng lực bảo đảm an ninh, trật tự, ứng phó các nguy cơ an ninh phi truyền thống.	Xây dựng nền quốc phòng, an ninh vững mạnh, từng bước hiện đại; giữ vững Lai Châu là địa bàn biên giới ổn định, an toàn, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045
36	Nâng cao năng lực bảo đảm an ninh mạng của tỉnh, góp phần cải thiện xếp hạng Chỉ số an ninh mạng toàn cầu của Việt Nam	Hoàn thiện tổ chức, cơ chế phối hợp; nâng cao năng lực giám sát, phát hiện, cảnh báo và ứng cứu sự cố; bảo đảm các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý được thực hiện đầy đủ các yêu cầu về an toàn, an ninh mạng theo quy định	Nâng cao năng lực giám sát, phân tích và ứng cứu sự cố; hình thành đội ngũ nhân lực chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu bảo vệ các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quan trọng	Xây dựng năng lực bảo đảm an ninh mạng chủ động, hiện đại; tăng cường ứng dụng AI, tự động hóa và các giải pháp kỹ thuật tiên tiến trong giám sát, phát hiện và ứng phó
37	Phát triển công nghiệp an ninh mạng	Tham mưu UBND tỉnh xây dựng Trung tâm an ninh mạng theo hướng dẫn của Bộ Công an; đảm bảo hoạt động giám sát, điều phối ứng cứu, khắc phục sự cố an ninh mạng; đảm bảo các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh được giám sát và liên thông tới Trung tâm An ninh mạng quốc gia	- Nghiên cứu đăng ký nhu cầu mua sắm, trang cấp trang thiết bị áp dụng các giải pháp an ninh mạng nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, vô hiệu hóa các hoạt động gián điệp mạng, tấn công mạng, tin tặc, tội phạm sử dụng công nghệ cao theo hướng dẫn, chỉ đạo của các Bộ, Ngành trung ương. - Phân đấu mua sắm, áp dụng hiệu quả ít nhất 01 giải pháp an ninh mạng do doanh nghiệp an ninh mạng trong nước cung cấp	Phân đấu mua sắm, áp dụng hiệu quả ít nhất 02 giải pháp an ninh mạng do doanh nghiệp an ninh mạng trong nước cung cấp
38	Phát triển công nghiệp an ninh tự chủ, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại	Tham mưu UBND tỉnh xây dựng Trung tâm an ninh mạng theo hướng dẫn của Bộ Công an; đảm bảo hoạt động giám sát, điều phối ứng cứu, khắc phục sự cố an ninh mạng; đảm bảo các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh được giám sát và liên thông tới Trung tâm An ninh mạng quốc gia	Phân đấu đến năm 2035, đặt hàng, mua sắm, sử dụng các sản phẩm công nghiệp an ninh đáp ứng ít nhất 70% vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ của lực lượng Công an và phục vụ nhu cầu dân sinh	Phân đấu đến năm 2045, đặt hàng, mua sắm, sử dụng các sản phẩm công nghiệp an ninh đáp ứng ít nhất 80% vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ của lực lượng Công an và phục vụ nhu cầu dân sinh
VII	Nhóm chỉ tiêu về đối ngoại và hội nhập quốc tế			

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035	Giai đoạn 2036-2045
39	Thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn về công nghệ trong nước	Rà soát, nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư	Mở rộng thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ lớn; hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ gắn với các ngành có lợi thế của tỉnh	Tiếp tục thu hút và giữ chân các tập đoàn công nghệ lớn; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, công nghệ số của tỉnh; nâng cao năng lực của doanh nghiệp công nghệ địa phương, tham gia chuỗi giá trị của các tập đoàn; hình thành các ngành/lĩnh vực công nghệ có lợi thế và khả năng cạnh tranh của tỉnh.

Ghi chú: (*) Số hộ cần bố trí, di dời, ổn định dân cư là 2.328 hộ. Trong đó:

- Đã xác định được nguồn vốn để đầu tư, đã đầu tư cho 58 hộ dân
- Đã dự kiến bố trí nguồn vốn, có quyết định chủ trương đầu tư cho 1.338 hộ dân
- Đối với số hộ còn lại, hiện UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng Đề án, tổng hợp nhu cầu và đề xuất trung ương hỗ trợ kinh phí để thực hiện di dời, bố trí dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai.

Phụ lục 2
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW NGÀY 28/7/2026 VÀ
CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 33-CTr/TW NGÀY 28/7/2026
(Kèm theo Kế hoạch số 117-KH/TU ngày 19/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
I	Về thể chế, quản trị địa phương và hoàn thiện hệ thống chính trị					
1	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về đổi mới mô hình phát triển trên địa bàn tỉnh	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy	Thường xuyên	Các hội nghị	NSNN
2	Tiếp tục rà soát, sắp xếp tinh gọn các tổ chức bên trong; hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc mỗi việc chỉ giao một cơ quan đầu mối chủ trì	Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy	Thường xuyên	Văn bản của cấp có thẩm quyền về hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
3	Triển khai cụ thể hóa khung mô hình phát triển tổng quát và các mô hình phát triển thành phần trên các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hóa - con người, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế, quản trị quốc gia	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh; Đảng ủy Công an tỉnh; Đảng ủy Quân sự tỉnh	Năm 2027	Các mô hình cụ thể phù hợp với tỉnh	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
4	Theo dõi, báo cáo, đánh giá việc thực hiện hệ thống nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng	Văn phòng Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2030	Triển khai theo khung hướng dẫn của Trung ương	NSNN

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
5	Rà soát, gán các nhiệm vụ của Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam và 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với Kế hoạch, Chương trình triển khai thực hiện Nghị quyết về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2030 (hoàn thành rà soát, lồng ghép, gắn kết các nhiệm vụ trong năm 2026)	Kế hoạch, Chương trình triển khai sau khi Trung ương có hướng dẫn	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
6	Triển khai khung chỉ số quản trị quốc gia	Văn phòng Tỉnh ủy; Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2030	Bộ tiêu chí, chỉ tiêu quản trị được cụ thể hóa, áp dụng phù hợp với điều kiện của tỉnh.	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
7	Triển khai bộ tiêu chí đánh giá phẩm chất năng lực uy tín cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026-2027	Bộ tiêu chí đánh giá phẩm chất, năng lực, uy tín cán bộ được cụ thể hóa và áp dụng.	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
8	Đổi mới công tác báo cáo trong toàn hệ thống chính trị (theo hướng tinh gọn, thống nhất, số hoá, liên thông, dựa trên dữ liệu)	Văn phòng Tỉnh ủy; Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2030	Hệ thống báo cáo theo hướng dẫn của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
9	Ban hành, triển khai thực hiện Chương trình, Kế hoạch phát triển đô thị	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy HĐND tỉnh	Giai đoạn 2026 - 2030	Chương trình, kế hoạch, dự án	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
10	Xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài của tỉnh trong kỷ nguyên mới	Đảng ủy UBND tỉnh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc; các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2045	Cơ chế, chính sách	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
11	Nghiên cứu triển khai phát triển kinh tế không gian tầm thấp, kinh tế bạc,...	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến 2045	Đề xuất định hướng và giải pháp phát triển kinh tế không gian tầm thấp, kinh tế bạc và các lĩnh vực kinh tế mới phù hợp với điều kiện của tỉnh.	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
II	Đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển các nguồn lực và các thành phần kinh tế					
12	Triển khai đồng bộ, hiệu quả Chiến lược chuyển đổi trí tuệ nhân tạo quốc gia (AIX)	Văn phòng Tỉnh ủy; Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026-2045	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
13	Xây dựng công dữ liệu mở của tỉnh để doanh nghiệp có thể khai thác	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026-2030	Công dữ liệu mở của tỉnh	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
14	Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam đến năm 2045	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030 (hoàn thành triển khai Chiến lược giai đoạn 2026-2027)	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
15	Triển khai Chiến lược phát triển năng lượng và công nghiệp ngoài khơi	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026-2045 (hoàn thành trong năm 2028)	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
16	Triển khai các quy định đầu tư ra nước ngoài phù hợp bối cảnh mới	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
17	Tổng kết Nghị quyết 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và sơ kết Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các chiến lược có liên quan	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2027-2028	Báo cáo tổng kết/sơ kết	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
18	Triển khai Chiến lược phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
19	Triển khai thực hiện Đề án Phát triển thị trường giao dịch hàng hoá phái sinh tại Việt Nam	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
20	Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển hệ thống logistics	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2035	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
21	Triển khai Đề án thu hút các tổ chức khoa học công nghệ khu vực và quốc tế đặt trụ sở tại Việt Nam	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2030 - 2035	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
22	Triển khai Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 củ Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Quý II, III/2027	Chương trình, kế hoạch	NSNN, doanh nghiệp, xã hội hóa
23	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và hệ thống quản lý dữ liệu trong toàn bộ quy trình quản lý, vận hành dự án đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026-2030	Cơ sở dữ liệu số quản lý dự án công trình giao thông đồng bộ	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
24	Tập trung nguồn lực đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, hạ tầng giao thông kết nối các khu kinh tế cửa khẩu, các trung tâm logistics	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026-2030	Các tuyến giao thông kết nối	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
25	Hoàn thiện hạ tầng dữ liệu, hạ tầng ứng dụng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nền tảng số dùng chung	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Hạ tầng dữ liệu, hạ tầng ứng dụng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nền tảng số dùng chung được hoàn thiện	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
26	Ban hành, triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Chương trình, đề án, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
27	Hình thành và phát triển 03 khu công nghiệp và 02 cụm công nghiệp	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Đến năm 2035	Các khu, cụm công nghiệp được hình thành	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
28	Phát triển vùng nguyên liệu chè; vùng dược liệu, vùng trồng sâm Lai Châu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO; phát triển quế, mắc ca, cao su, cây gỗ lớn; đẩy mạnh chế biến sâu, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ.	Đảng uỷ UBND tỉnh	Đảng uỷ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026-2030	Vùng nguyên liệu, vùng dược liệu và chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực được hình thành, mở rộng	NSNN, Chương trình MTQG, doanh nghiệp

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
29	Phát triển công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo và khai thác khoáng sản, ưu tiên chế biến nông, lâm sản, thủy sản, thức ăn chăn nuôi, vật liệu xây dựng, khoáng sản chủ lực	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026-2030	Các dự án công nghiệp, chế biến được triển khai; giá trị sản xuất công nghiệp tăng	NSNN, doanh nghiệp, PPP
30	Xây dựng sản phẩm du lịch sinh thái, mạo hiểm, văn hóa cộng đồng gắn với bản sắc các dân tộc, cảnh quan và sản phẩm đặc hữu; nâng cao chất lượng dịch vụ, kết nối tour, tuyến.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026-2030	Sản phẩm, điểm, tuyến du lịch được hình thành; lượng khách và doanh thu du lịch đạt mục tiêu	NSNN, doanh nghiệp, xã hội hóa
III	Phát triển văn hóa, xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân					
31	Triển khai các bộ tiêu chí quốc gia đánh giá toàn diện về xã hội, các bộ chỉ số về hạnh phúc xã hội, chất lượng sống, niềm tin xã hội, bảo đảm an ninh con người...	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Công an tỉnh; Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 – 2030 (hoàn thành xây dựng năm 2027)	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
32	Triển khai hệ thống nắm bắt dư luận, nhu cầu xã hội và cảnh báo sớm rủi ro trên nền tảng dữ liệu số, theo thời gian thực	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2027	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
33	Triển khai Chiến lược quốc gia về dân số đến năm 2045 trên cơ sở tổng kết Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2045	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
34	Nghiên cứu hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách đối với lao động phi chính thức	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Cơ chế, chính sách của tỉnh	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
35	Triển khai thực hiện Đề án về phát triển nguồn nhân lực gắn với thị trường lao động hiện đại	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
36	Triển khai bộ chỉ số giám sát chất lượng nguồn lao động, việc làm bền vững, đào tạo, thu nhập, bảo hiểm xã hội và mức độ hài lòng của người lao động, doanh nghiệp	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
37	Triển khai thực hiện cơ chế thử nghiệm cho các mô hình mới về văn hoá số, sáng tạo nội dung số, nghệ thuật số, du lịch di sản thông minh, kinh tế đêm, không gian sáng tạo	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2028	Cơ chế thử nghiệm theo hướng dẫn của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
38	Triển khai thực hiện thí điểm xây dựng sàn giao dịch sản phẩm văn hoá nghệ thuật trên môi trường số	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2028	Sàn giao dịch theo hướng dẫn của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
39	Hoàn thiện cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Cơ chế tự chủ của tỉnh	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
40	Triển khai các quy định pháp luật về dinh dưỡng học đường	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
41	Triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh quy mô lớn, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng, thiên tai, thảm họa, an ninh y tế cấp quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 gắn với Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch thực hiện của tỉnh	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
42	Nghiên cứu, lựa chọn địa bàn và triển khai thí điểm mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh	Trường Chính trị	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy UBND các xã, phường có liên quan	Giai đoạn 2028-2030 (tầm nhìn đến 2045)	Đề án mang tính chất nghiên cứu lý luận, triển khai thực hiện đảm bảo gắn với thực tiễn của tỉnh	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
IV	Đẩy mạnh chuyển đổi xanh; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu					
43	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	2026-2030 (dự kiến ban hành kế hoạch quý III/2026)	Kế hoạch được xây dựng và triển khai	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
44	Triển khai Chiến lược quốc gia về phát triển công nghiệp môi trường	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2027-2030 (sau khi Chiến lược quốc gia về phát triển công nghiệp môi trường được Trung ương ban hành)	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
45	Sắp xếp, ổn định dân cư vùng thiên tai có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đá, sụt lún đất tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan	Giai đoạn 2026-2030	Đề án	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
V	Bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả đối ngoại và hội nhập quốc tế					
46	Triển khai danh mục các lĩnh vực, hạ tầng và năng lực chiến lược quốc gia cần ưu tiên bảo vệ - kèm phương án bảo đảm khả năng chuyển trạng thái khi có tình huống quốc phòng, an ninh	Đảng ủy Quân sự tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2027	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
47	Triển khai hạ tầng dữ liệu quốc phòng, hệ thống chỉ huy - điều hành số	Đảng ủy Quân sự tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2030	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
48	Triển khai các chính sách đặc thù phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh của tỉnh	Đảng ủy Quân sự tỉnh; Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh; Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2027	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
49	Triển khai thực hiện hệ thống theo dõi và cảnh báo sớm rủi ro chuỗi cung ứng và công nghệ	Đảng ủy Công an tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2030	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
50	Triển khai thực hiện Chiến lược an ninh quốc gia trong kỷ nguyên mới	Đảng ủy Công an tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2045	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
51	Triển khai các cơ chế kiểm tra sức chống chịu quốc gia trước rủi ro an ninh quốc gia.	Đảng ủy Công an tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2028	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
52	Triển khai thực hiện các nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý, điều hành, giám sát và dự báo an ninh	Đảng ủy Công an tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2030	Dữ liệu và bộ tiêu chí theo hướng dẫn của Trung ương	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
53	Triển khai Chiến lược đối ngoại toàn diện ở tầm cao mới	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2030	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
54	Triển khai hiệu quả nội hàm các khuôn khổ quan hệ đối tác; gắn kết chặt chẽ đối ngoại chính trị với hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2030	Chương trình, thỏa thuận hợp tác; dự án, hoạt động hợp tác về đầu tư, thương mại, khoa học - công nghệ và phát triển nguồn nhân lực	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
55	Triển khai các cơ chế đặc thù thu hút đối tác chiến lược, tập đoàn đa quốc gia, tổ chức nghiên cứu, chuyên gia và nhân tài quốc tế tham gia các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2030	Chương trình, kế hoạch	NSNN và các nguồn hợp pháp khác
56	Nâng cao, hoàn thiện mạng lưới các đầu mối phụ trách về ngoại giao khoa học, công nghệ, ngoại giao số, dữ liệu và đổi mới sáng tạo	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Giai đoạn 2026 - 2030	Mạng lưới phụ trách đối ngoại về khoa học, công nghệ	NSNN và các nguồn hợp pháp khác